

Tiền Xích Bích Phú – Tô Thức

前赤壁賦-蘇軾

qián chì bì fù - su shì
Nguyễn Quốc Bảo soạn

Tô Thức **蘇軾** *su shì*, giản thể viết **苏轼** (1037-1101), tự Tử Chiêm **子瞻** *zi zhan*, hiệu Đông Pha cư sĩ **東坡居士** *dong bo ju shì*, quê ở Mi Châu, nay là huyện Mi san¹, tỉnh Tứ Xuyên, đồng hương với những danh tài nổi tiếng như Đỗ Phủ, Lý Bạch,... Tô Tử là một trong Tám Đệ Nhất Đại gia đời Đường Tống², phụ thân Tô Tuân **蘇洵** *su xún* cùng em trai Tô Triệt **蘇轍** *su chè* cũng là hai văn hào nổi tiếng, nên thường gọi là Tam Tô **三蘇** *san su*³.



Ông là một nhà Đại Văn học, Thư họa và Họa gia nổi tiếng thời Bắc Tống (người đời thường gọi là Tô Đông Pha), *Kì thi, từ, phú, tán văn, thư pháp và hội họa* đều là những thành tựu cực cao toàn tài trong thiên niên lịch sử Văn học Tàu, nghệ thuật của họ Tô được công nhận như đã đạt đến mức Tồi Kiệt của một Đệ nhất Văn học Đại gia: Tán văn sánh với Âu Dương Tu **歐陽修** *ou yang xiu* nên được gọi là Âu Tô **歐蘇** *ou su*, Thi sánh với Hoàng Đình Kiên

黃庭堅 *huáng tíng jian* nên gọi là Tô Hoàng **蘇黃** *su huáng*, Từ sánh với Tân Khí Tật **辛棄疾** *xin qì jí* nên gọi là Tô Tân **蘇辛** *su xin*, thư pháp liệt vào bực Bốn Đại Thư Pháp Gia đời Bắc Tống «Tô, Hoàng, Mễ, Thái **蘇黃米蔡** *su, huáng, mǐ, cài*», Hội họa đã làm căn bản cho Hồ Châu Họa phái **湖州畫派** *hú zhou huà pài* sau này. Tô Thức từ nhỏ đã tỏ ra thông minh và ham học, hai mươi mốt tuổi đỗ Tiến sĩ, sớm được bổ nhậm Hàn Lâm học sĩ kiêm Thị độc⁴, Long đồ các học sĩ rồi thăng Binh bộ thượng thư; sau đó

¹ Xin xem Chú thích phần cuối bài

² Đường Tống Bát Đại Gia **唐宋八大家** *táng sòng ba dà jia*: Hàn Dũ **韓愈** *hán yù*, Liễu Tông Nguyên **柳宗元** *liǔ zong yuán*, Âu Dương Tu **歐陽修** *ou yang xiu*, Tô Tuân **蘇洵** *su xún*, Tô Thức **蘇軾** *su shì*, Tô Triệt **蘇轍** *su chè*, Vương An Thạch **王安石** *wáng an shí* và Tăng Cung **曾巩** *céng gǒng*. Trú tác của Tô Thức rất nhiều, hiện nay tồn tại còn Đông Pha Toàn Tập **東坡全集** *dong bo quán jí* và Đông Pha Nhạc Phủ **東坡樂府** *dong bo lè fǔ*.

³ Thời Mạt Hán nổi danh cũng có Tam Tào phụ tử **三曹父子** *san cáo fù zǐ*, tức Tào Tháo **曹操** *cáo cáo*, Tào Phi **曹丕** *cáo pi* và Tào Thục **曹植** *cáo zhí*.

⁴ **翰林學士兼侍讀** *hàn lín xué shì jiān shì dú*. Khái niệm Thị độc là *bồi thị* hay *luận học* khi Vua đọc sách, hoặc thụ thư hay giảng học cho các hoàng tử. Chức tước Đế Vương thời cổ đại, thị độc là quan giảng học cho Hoàng tử. Chức vụ thị độc và học sĩ tương đồng, tuy cấp bậc khác biệt và tương đối thấp hơn. Đời

thì sự nghiệp bị trắc trở; nguyên do bị Tạ Cảnh Ôn vu hãm, nên bị biếm⁵ về Hàng Châu để xét xử. Năm bốn mươi ba tuổi, lại phát sinh án lý «Ô đài Thi án 烏臺詩案 *wu tái shi àn*», ông bị tù và giáng chức xuống làm quan ở Hoàng Châu. Thời gian ở đây ông đã trước tác *Thừa thiên tự dạ du, Đông pha, Huệ sùng xuân giang hiếu cảnh*, đương thời là những tác phẩm nổi tiếng. Qua triều Tống Thần Tông, tể tướng Vương An Thạch cải cách thay đổi phép tắc, Tô Thức dâng sớ phê bình tân pháp, nên lại nhập ngục, rồi lại bị biếm đi nhậm chức những địa danh xa xôi như Hàng Châu, Mật Châu, Từ châu, Hoàng Châu, Huệ Châu, và cả Quỳnh Châu là nơi hẻo lánh trên đảo Hải Nam. Triều Tống Huy Tông, Tô Thức được ân xá trở về Bắc, lâm bệnh ở Thường Châu rồi mất, thọ sáu mươi sáu tuổi.

Lúc tại chức ở Hoàng Châu, Tô Thức cất nhà ở Đông Pha (suông đồi phía Đông, do đó có danh Tô Đông Pha cư sĩ). Hai bài Tiền và Hậu Xích Bích Phú đều được trước tác ở đây. Xích Bích là tên một trận địa nổi tiếng, thuộc huyện Gia Ngự tỉnh Hồ Bắc phía Nam sông Dương Tử, nơi mà năm Kiến An 13 (DL 208), Tào Tháo từ Giang Lăng đuổi đánh Lưu Bị, rồi Tháo bị khốn quẫn và đại bại bởi Chu Du, tướng Đông Ngô Tôn Quyền, dùng hỏa công đốt hết chiến thuyền. Bờ sông bị lửa đốt cháy đỏ nên có tên Xích Bích (Suông Núi Đỏ).

Hoàng Châu nơi Tô Tử bị đày, bây giờ là huyện Hoàng Cương (tỉnh Hồ Bắc), cũng có một dãy núi đỏ, cũng có tên là Xích Bích, nhưng không phải Xích Bích ở huyện Gia Ngự tỉnh Hồ Bắc. Tô Tử du thuyền tại đây, thấy trùng tên, liên nghĩ đến trận chiến Xích Bích ngày xưa, cao hứng làm nên Bài Phú để luận thiên hạ sự, luận anh hùng và ký thác tâm sự.

前後赤壁賦



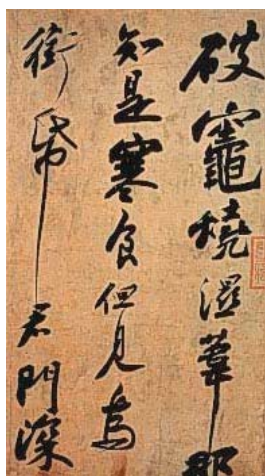
Thư Họa Tiền Hậu Xích Bích Phú của Chúc Vĩnh Minh 祝永明
Zhu Yunming (1460–1526) Bảo tàng viện Thượng Hải

Tống có chức Hàn Lâm Thị Độc 翰林侍讀 *hàn lín shì dú*, qua Triều Minh và Triều Thanh thì bãi bỏ hẳn Hàn Lâm Viện Thị Độc 翰林院侍讀 *hàn lín yuàn shì dú*.

⁵ Quan bị giáng chức gọi là biếm 貶 *biǎn*. Biếm truat 貶黜 *biǎn chù* giáng chức quan và không dùng nữa.

Tôi không am tường về các thể Thi Phú. Chỉ biết Phú là một thể văn biên ngẫu, cấu trúc phức tạp, dùng nhiều trợ ngữ và phá ngữ, như trong Tiên Xích Bích Phú. Tự điển viết Phú: 賦, giản thể viết: 赋 bộ 𠂔, bèi 貝 (gt: 贝), nghĩa là dải bày. Dải bày vào thơ gọi là Phú thi, văn xuôi biên ngẫu đối nhau có vần gọi là Phú. Đọc trên Vỡng lạc, thấy thể Phú có từ thời Tiên Tần bên Tàu với những bài nổi tiếng Cao Đường Phú, Thần Nữ Phú của Tống Ngọc. Thời Hán triều, thể Phú thịnh hành nhất với nhiều tác giả như Giả Nghị, Tư Mã Tương Như, Dương Hùng, Đông Phương Sóc, Trương Hành... Thời Kiến An, Tào Thục viết Lạc thần phú, một áng văn chương tuyệt phẩm. Cổ nhân có câu *Hán Phú Đường Thi, Tống Từ Nguyên Khúc*. Việt Nam tiếp thụ và cải biến văn học Tàu, nên tất nhiên có tác phẩm viết bằng thể Phú ; sử sách chép Văn Tế Cá Sấu của Hàn Thuyên, di sản văn chương chữ Nôm thế kỷ 15 và 16 có chép Quần Hiền Phú Tập (1457 triều Lê Nhân Tông); nhưng tất cả đều thất lạc. Lúc còn đi học tôi thích đọc Trương Hán Siêu đời Trần (Ông làm quan trải bốn triều vua: Trần Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông, Dụ Tông), với bài Bạch Đằng Giang Phú viết bằng Hán tự, diễn Nôm có bản của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến và Bùi Văn Nguyên. Thời Lê mạt, giữa thế kỷ 18, trong văn chương Nôm có thấy Ngã Ba Hạc Phú (Nguyễn Lân), Quách Tử Nghi Phú (Nguyễn Hữu Chính). Sau này, thể Phú thịnh hành, có rất nhiều bài nổi tiếng như Tụng Tây hồ của Nguyễn Huy Lượng đời Lê mạt Tây sơn, Chiến Tụng Tây hồ của Phạm Thái đời Nguyễn sơ, Hàn nho Phong vị Phú của Nguyễn Công Trứ, Tài tử đa cùng Phú của Cao Bá Quát, Thầy Đồ Dạy Học và Hồng Thi của Trần Tế Xương, vân vân. Văn Tế cũng là thể Phú Đường luật, những bài nổi danh: Tế Trận Vong Tướng Sĩ của Nguyễn Văn Thành và Tế Võ Tánh và Ngô Tông Châu của Đặng Đức Siêu, Văn tế Nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu.

Phần tiếp của bài viết có thêm Diễn Nghĩa, Diễn Nôm, Diễn Anh Ngữ và chép lại Xích Bích Hoài Cổ của Đỗ Mục và Vịnh Tiên Xích Bích của Nguyễn Công Trứ. Lúc xưa, cũng như các học sinh khác, tôi đọc bài « Dịch Tiên Xích Bích Phú » của Phan Kế Bính, tuy không rành Hán văn nhiều, nhưng hỏi thân phụ dăm ba chữ, rồi cảm thấy bài dịch không sát với Nguyên tác, lại có phần thiếu sót mà sau này Nguyễn Hiến Lê đã chưa thêm. Nay mạn phép tiên nhân, xin diễn nghĩa lại, lấy cái cảm hứng của kẻ hậu sinh để trả ơn tri ngộ.



Diễn Nghĩa có diễn tích thơ Minh Nguyệt, tức thiên Nguyệt Xuất trong Kinh Thi, mục Trần Phong, chương Yêu Điều là chương đầu của thiên Nguyệt Xuất. Trong bài ca, Tô Thức có câu: *Vong mỹ nhân hề thiên nhất phương*. Tô Thức là kẻ bị biếm, đi nhậm chức nhỏ ở Hoàng Châu, đâu còn lòng dạ nào nghĩ tới người Tình. Mỹ nhân ở đây phải hiểu là hiền nhân quân tử, bạn của Tô Thức ở triều, hoặc có thể nói đến Vua, mà tuy bị biếm, Ông lúc nào cũng giữ trọn đạo Công thần. Vương Dật trong Ly Tao Tự có câu: *Linh tu mỹ nhân dĩ bế u quân. Mật phi dật nữ dĩ tị hiền thần, cầu long loan phụng dĩ thác quân tử*, nghĩa : Vua, người đẹp được cho là sánh ngang với vua ; người đẹp Mật Phi là kẻ hiền thần, rồng loan phụng để chỉ người quân tử. Khi diễn bài Phú qua chữ Nôm, tôi cố gắng ôm sát nguyên tác, một là tránh trật ý của tác giả, hai là dựa trên thể đối của bài bằng những trợ ngữ hoặc phá ngữ để mong giữ

chút ít văn thể. Tỷ dụ cuối bài có câu: *Tương dữ chẩm tịch hồ chu trung, bất tri đông phương chi ký bạch*. Các bản Hán ngữ đều viết chữ *chẩm*. Thiều Chửu tự điển ghi: 枕 chẩm nghĩa là gối, nhưng có âm chẩm nghĩa là *gối đầu*. Nên tôi viết chẩm và diễn nghĩa: *Cùng gối đầu nằm xéo trong thuyền, không biết trời đã sáng phương đông*. Cụ Nguyễn Hiến Lê diễn: Gối đầu lên nhau mà ngủ; cụ Phan Kế Bính viết : không biết vầng đông đã sáng bạch tự lúc nào.

Diễn Nôm có bài của Đào Nguyên Phổ, sát ý, tôi rất chuộng, đọc rất xuôi, diễn thơ không bị gò ép nhiều. Bài của Quân Công Thị không biết viết năm nào, chỉ biết ông sinh năm Mậu Thân 1848, trong bài ông dùng các thổ ngữ cổ miền Trung. Bài diễn Nôm của Ông cậu tôi TchyA viết dở chừng (không đầy đủ nghĩa) khoảng thập niên 50, đặc biệt tôi thích bài ca kiêu *Minh nguyệt chi thi* mà TchyA diễn theo vần điệu những bài hát ả đào, vì lý do đó, tôi mới có ý soạn Tiên Xích Bích Phú, để có dịp chép lại và bổ sung bài Diễn Nôm. Tất nhiên một kẻ *mù đặc cán mai* về thi phú như tôi, thì đây là chuyện làm ầu, nhưng cũng vì mê đôi chữ nghĩa và có chút ít máu *xỉa* (tên TchyA trong nhà gọi trẹ ra) nên thôi thì *một liều ba bảy cũng liều*... Ngoài ra tôi cũng hân hạnh xin chép thêm Bài Diễn Nôm của Ông Bạn Trương Ngọc Thạch, một hậu sinh với thi hứng rất cao và cũng muốn hoài cô, đi tìm đồng tình và đồng điệu với tiền nhân.

Diễn Nghĩa

不肖保
(Bất Tiếu Bảo)



Nhâm tuất chi thu, thất nguyệt ký vọng, tô tử dữ khách, phiếm chu du ư xích bích chi hạ. Thanh phong từ lai, thủy ba bất hưng; cử tử chúc khách, tụng minh nguyệt chi thi, ca yếu điệu chi chương. Thiểu yên, nguyệt xuất ư đông san chi thượng, bồi hồi vu đầu ngư chi gian, bạch lộ hoành giang, thủy quang tiếp thiên; tủng nhất vi chi sở như, lãng vạn khoảnh chi mang nhiên. Hạo hạo hồ, như phùng hư ngự phong, nhi bất tri kỳ sở chỉ; phiêu phiêu hồ, như di thể độc lập, vũ hóa nhi đăng tiên.

Mùa thu năm Nhâm Tuất, ngày rằm tháng bảy, Tô Tử cùng khách, đi thuyền bơi dưới núi Xích Bích. Gió thanh (sạch) từ từ lại, sóng không gợn; nâng rượu mời khách, ngâm thơ Minh Nguyệt, ca chương Yếu Điệu. Lát sau, trăng lên trên núi Đông San, lừng lơ khoảng

giữa sao Ngưu sao Đẩu, sương trắng tỏa ngang sông, nước sáng nổi liền trời; một lá cỏ lau (thuyền) thao túng khắp nơi, vượt qua vạt khoáng mênh mông. Ôi mênh mông, như trên không cõi gió, không biết dừng lại ở đâu; ôi nhẹ nhàng, như bỏ sót đời còn một mình, hóa thành lông bay lên tiên.

壬戌之秋，七月既望，蘇子與客，泛舟游於赤壁之下。清風徐來，水波不興；舉酒屬客，誦明月之詩，歌窈窕之章。少焉，月出於東山之上，徘徊於鬥牛之間，白露橫江，水光接天；縱一葦之所如，凌萬頃之茫然。浩浩乎，如馮虛禦風，而不知其所止；飄飄乎，如遺世獨立，羽化而登仙。

rén xu zhi qiū, qī yuè jì wàng, sū zǐ yǔ kè, fàn zhōu yóu yú chì bì zhi xià. qīng fēng xú lái, shuǐ bō bù xìng; jǔ jiǔ shǔ kè, sòng míng yuè zhi shī, gē yǎo tiǎo zhi zhāng. shǎo yān, yuè chū yú dōng shān zhi shàng, pái huái yú dòu niú zhi xiān, bái lù héng jiāng, shuǐ guāng jiē tiān; zòng yī wēi zhi suǒ rú, líng wàn qǐng zhi máng rán. hào hào hu, rú fēng xu yù fēng, ér bù zhi qí suǒ zhǐ; piāo piāo hu, rú yí shì dú lì, yǔ huà ér dēng xiān.

Ư thị ẩm tửu lạc thậm, khẩu huyền nhi ca chi. Ca viết :

Quế trạo hề lan tường, kích không minh hề tổ lưu quang. Miểu miểu hề dư hoài, vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương.

Thôi thì uống rượu vui thích lắm, gõ mạn thuyền mà ca. Ca rằng:

(Cây) quế thuyền hề (hoa) lan (mái) chèo, kích (gõ) không sáng hề ngược dòng nước trong, mạn mái hề ta hoài bão, ngắm mỹ nhân (quân tử, hiền nhân) hề tận một phương trời.

於是飲酒樂甚，扣舷而歌之。歌曰：

桂棹兮蘭槳，擊空明兮泝流光。渺渺兮予懷，望美人兮天一方。

yú shì yǐn jiǔ lè shèn, kòu xián ér gē zhi. gē yuē :

guì zhào xī lán jiǎng, jí kōng míng xī sù liú guāng. miǎo miǎo xī yú huái, wàng měi rén xī tiān yī fāng.

Khách hữu xuy đồng tiêu giả, ỷ ca nhi hòa chi. Kỳ thanh ô ô nhiên, như oán như mộ, như khắp như tổ, dư âm niệu niệu, bất tuyệt như lũ; vũ u hác chi tiềm giao, khắp cô chu chi ly phụ.

Ấy có khách thổi ống tiêu, dựa lời ca mà hòa nhịp. Tiếng tiêu ôi thôi đốt cháy, như oán như quyến luyến, như khóc như than oan, dư âm niệu niệu, không dứt như sợi tơ ; làm

thường luồng ở ẩn múa may nơi hang hốc tối tăm, làm đàn bà góa trong thuyền cô quạnh cũng sứt sùi.

客有吹洞簫者，倚歌而和之。其聲嗚嗚然，如怨如慕，如泣如訴，餘音嫋嫋，不絕如縷；舞幽壑之潛蛟，泣孤舟之嫠婦

kè yǒu chuī dòng xiāo zhě, yǐ gē ér hé zhī. qí shēng wū wū rán, rú yuàn rú mù, rú qì rú sù, yú yīn niǎo niǎo, bù jué rú lǚ; wǔ yōu huò zhī qián jiāo, qì gū zhōu zhī lí fū.

Tô tử thiêu nhiên, chính khâm nguy tọa, nhi vấn khách viết: hà vi kỳ nhiên dã ? Khách viết: nguyệt minh tinh hi, ô thước nam phi, thử phi tào mạnh đức chi thi hồ? Tây vọng hạ khẩu, đông vọng vũ xương, san xuyên tương mâu, uất hồ thương thương, thử phi mạnh đức chi khôn ư chu lang giả hồ? Phương kỳ phá kinh châu, hạ giang lăng, thuận lưu nhi đông dã, trục lô thiên lý, tinh kỳ tế không, si tửu lâm giang, hoành sóc phú thi; cố nhất thể chi hùng dã, nhi kim an tại tai? Huông ngô dữ tử, ngư tiều ư giang chử chi thượng, lữ ngư hà nhi hữu mi lộc; giá nhất điệp chi biển chu, cử bào tôn dĩ tương chúc; kí phù du ư thiên địa, miếu thương hải chi nhất túc, ai ngô sanh chi tu du, tiện trường giang chi vô cùng! Hiệp phi tiên dĩ ngao du, bảo minh nguyệt nhi trường chung; tri bất khả hồ sậu đắc, thác dĩ hưởng ư bi phong.

Tô Tử xị mặt, sửa áo ngồi thẳng ngay ngắn, hỏi khách rằng : Có sao gây nên sự thể như thế ?

Khách đáp : *Nguyệt minh tinh hi, ô thước nam phi* (Trăng sáng sao thưa, quạ chim bay về Nam), ấy không phải thơ Tào Mạnh Đức (Tào Tháo) ư ? Tây trông Hạ Khẩu (Hán Khẩu, Hồ Bắc), đông nhìn Vũ Xương (Hồ Bắc), núi sông uốn khúc lẫn nhau, ôi rạn rỡ xanh tươi, đó phải chăng nơi Mạnh Đức bị khôn quẩn bởi Chu Lang ? (Chu Du, Công Cản). Đương khi phá Kinh Châu (Hồ nam), hạ Giang Lăng, thuận dòng sang tới Đông, thuyền bè ngàn dặm, cờ tán rợp trời, rót chén rượu đứng trên sông, cầm ngang ngọn giáo ngâm thơ ; thật là anh hùng một đời, mà nay còn ở đâu ? Phương chi tôi nhập bọn, người đánh cá kẻ kiếm củi trên bãi sông, cá tôm là bạn hươu nai là hữu, dạo thuyền nhỏ như chiếc lá, nhắc bầu và chén rượu rót cho nhau ; gửi thân phù du nơi Trời Đất, là một hạt thóc trên bề khơi bát ngát, rồi thương đời chi khoảnh khắc chốc lát, mà ham muốn thay sông dài không cùng! Cấp tiên bay đi ngao du, ôm trăng sáng để sống đời; biết không thể thốt nhiên có được, nảy ra tiếng đau khóc sót lại trong gió.

蘇子愀然，正襟危坐，而問客曰：何為其然也？

客曰：月明星稀，烏鵲南飛，此非曹孟德之詩乎？西望夏口，東望武昌，山川相繆，鬱乎蒼蒼，此非孟德之困於周郎者乎？方其破荊州，下江陵，順流而東也，舳艫千里，旌旗蔽空，釃酒臨江，橫槊賦詩；固一世之雄也，而今安在哉？況吾與子，漁樵於江渚之上，侶魚蝦而友麋鹿；駕一葉之扁舟，舉匏樽以相屬；寄蜉蝣於天地，渺滄海之一

粟，哀吾生之須臾，羨長江之無窮！挾飛仙以遨遊，抱明月而長終；
知不可乎驟得，托遺響於悲風。

*su zi qiǎo rán, zhèng jīn wēi zuò, ér wèn kè yue: hé wéi qí rán yě ?
kè yue: yuè míng xing xi, wu què nán fei, cǐ fei cáo mèng dé zhi shì hu? xi wàng xià kǒu,
dong wàng wǔ chang, shan chuan xiang miào, yù hu cang cang, cǐ fei mèng dé zhi kùn yú
zhou láng zhě hu? fang qí pò jing zhou, xià jiang líng, shùn liú ér dong yě, zhú lú qian lǐ,
jing qí bì kong, xǐ jiǔ lín jiang, héng shuò fū shì; gù yì shì zhi xióng yě, ér jìn an zài zai?
kuàng wú yǔ zi, yú qiáo yú jiang zhǔ zhi shàng, lǚ yú xia ér yǒu mí lù; jià yì yè zhi piān
zhōu, jǔ páo zun yǐ xiang shǔ; jì fú yóu yú tian dì, miǎo cang hǎi zhi yì sù, ai wú sheng zhi
xu yú, xiàn cháng jiang zhi wú qióng! xiá fei xian yǐ áo yóu, bào míng yuè ér cháng
zhong; zhi bù kě hu zòu de, tuo yí xiǎng yú bei feng.*

Tô tử viết: khách diệc tri phu thủy dữ nguyệt hồ? Thệ giả như tư, nhi vị thường vãng dã; doanh hư giả như bỉ, nhi tốt mặc tiêu trường dã. Cái trung tự kỳ biến giả nhi quan chi, tắc thiên địa tăng bất năng dĩ nhất thuận; tự kỳ bất biến giả nhi quan chi, tắc vật dữ ngã giai vô tận dã. Nhi hựu hà tiện hồ? Thả phu thiên địa chi gian, vật các hữu chủ. Cầu phi ngô chi sở hữu, tuy nhất hào nhi mặc thủ. Duy giang thượng chi thanh phong, dữ san gian chi minh nguyệt, nhĩ đắc chi nhi vi thanh, mục ngô chi nhi thành sắc. Thủ chi vô cảm, dụng chi bất kiệt. Thị tạo vật giả chi vô tận tàng dã, nhi ngô dữ tử chi sở cộng thích.

Khách hỉ nhi tiếu, tẩy trần canh chúc. Hào hạch ký tận, bôi bàn lang tạ. Tương dữ chẩm tịch hồ chu trung, bất tri đông phương chi ký bạch.

Tô Tử nói: Thế khách cũng biết Nước cùng Trăng chứ? Nước chảy mãi không trở lại, thế mà chưa từng đi đến nơi, trăng tròn rồi khuyết, cũng không tăng mà chẳng giảm. Đem tự Biến đổi mà quan sát, thời há chẳng Trời Đất cùng là một chớp mắt; đem cái Không Biến đổi mà xem, thời sự vật với Ta đều vô tận. Sao lại phải thèm thuồng? Và lại trong Trời Đất, muôn vật đều có chủ, ví thực không phải của ta, dầu chỉ một li tuyết không lấy. Chỉ có gió mát trên sông, cùng trăng sáng khoảng giữa núi, tai thì được nghe tiếng, mắt gặp thì thành sắc. Lấy không cảm, dùng không hết. Sự vật tạo nên kho vô tận, chính là của chung Tôi với Bác.

Khách mừng cả cười, rửa chén đôi rót rượu. Đồ nhắm hạt quả đã hết, chén mâm bữa bãi. Cùng gối đầu nằm xéo trong thuyền, không biết trời đã sáng phương đông.

蘇子曰：客亦知夫水與月乎？逝者如斯，而未嘗往也；盈虛者如彼，而卒莫消長也。蓋將自其變者而觀之，則天地曾不能以一瞬；自其不變者而觀之，則物與我皆無盡也。而又何羨乎？且夫天地之間，物各有主。苟非吾之所有，雖一毫而莫取。惟江上之清風，與山間之明月，耳得之而為聲，目遇之而成色。取

之無禁，用之不竭。是造物者之無盡藏也，而吾與子之所共適。
客喜而笑，洗盞更酌。肴核既盡，杯盤狼籍。相與枕藉乎舟中，不知東方之既白。

su zi yue : kè yì zhi fu shuǐ yǔ yuè hu ? shì zhě rú sī , ér wèi cháng wǎng yě ; yíng xu zhě rú bǐ , ér zú mò xiao cháng yě . gài jiang zì qí biàn zhě ér guan zhi , zé tian dì céng bù néng yǐ yì shùn ; zì qí bù biàn zhě ér guan zhi , zé wù yǔ wǒ jie wú jìn yě . ér yòu hé xiàn hu ? qiě fu tian dì zhi xián , wù gè yǒu zhǔ . gǒu fei wú zhi suǒ yǒu , sui yì háo ér mò qǔ . wéi jiang shàng zhi qing feng , yǔ shan xián zhi míng yuè , ěr de zhi ér wéi sheng , mù yù zhi ér chéng sè . qǔ zhi wú jìn , yòng zhi bù jié . shì zào wù zhě zhi wú jìn cáng yě , ér wú yǔ zì zhi suǒ gòng shì .

kè xǐ ér xiào , xǐ zhǎn gèng zhuó . yáo hé jì jìn , pei pán láng jí . xiāng yǔ zhěn jí hu zhōu zhōng , bù zhi dōng fāng zhi jì bái .

前赤壁賦 蘇軾

壬戌之秋，七月既望，蘇子與客，泛舟游于赤壁之下。清風徐來，水波不興；舉酒屬客，誦明月之詩，歌窈窕之章。少焉，月出于東山之上，徘徊于斗牛之間，白露橫江，水光接天；縱一葦之所如，凌萬頃之茫然。浩浩乎，如馮虛御風，而不知其所止；飄飄乎，如遺世獨立，羽化而登仙。

于是飲酒樂甚，扣舷而歌之。歌曰：

桂棹兮蘭槳，擊空明兮泝流光。渺渺兮予懷，望美人兮天一方。

客有吹洞簫者，倚歌而和之。其聲嗚嗚然，如怨如慕，如泣如訴，余音嫋嫋，不絕如縷；舞幽壑之潛蛟，泣孤舟之嫠婦。

蘇子愀然，正襟危坐，而問客曰：何為其然也？

客曰：月明星稀，烏鵲南飛，此非曹孟德之詩乎？西望夏口，東望武昌，山川相繆，郁乎蒼蒼，此非孟德之困于周郎者乎？方其破荊州，下江陵，順流而東也，舳舻千里，旌旗蔽空，酹酒臨江，橫槊賦詩；固一世之雄也，而今安在哉？況吾與子，漁樵于江渚之上，侶魚蝦而友麋鹿；駕一葉之扁舟，舉匏樽以相屬；寄蜉蝣于天地，渺滄海之一粟，哀吾生之須臾，羨長江之無窮！挾飛仙以遨遊，抱明月而長終；知不可乎驟得，托遺響于悲風。

蘇子曰：客亦知夫水與月乎？逝者如斯，而未嘗往也；盈虛者如彼，而卒莫消長也。蓋將自其變者而觀之，則天地曾不能以一瞬；自其不變者而觀之，則物與我皆無盡也。而又何羨乎？且夫天地之間，物各有主。苟非吾之所有，雖一毫而莫取。惟江上之清風，與山間之明月，耳得之而為聲，目遇之而成色。取之無禁，用之不竭。是造物者之無盡藏也，而吾與子之所共適。

客喜而笑，洗盞更酌。肴核既盡，杯盤狼籍。相與枕藉乎舟中，不知東方之既白。

Gavilan Springs 05 Nov. 2007

Tiền Kịch Bích Phủ - Tô Thức

Nhiệm Thuật chỉ thu, thuật nguyệt kỳ vọng, Tô Tử đờ khách, phẩm châu du vô Kịch Bích chỉ hạ. Thành phương tiêu lai, thủy ba bất lượng, cử thiên chức khách, trung Minh Nguyệt chỉ thi, ca Yên Diệu chỉ chương. Thiên yên, nguyệt xuất vô đống sơn chỉ thượng, bối hội vô Đâu Ngưu chỉ gian, bạch lộ hinh giang, thủy quang trập thiên; trủng nhất vi chỉ số như, bưng vận khách chỉ mừng nhàn. Hạc hạc hồ, mào phương hơ ngư phương, nhi bất tri kỳ số chỉ; phiêu phiêu hồ, mào di thể độc lập, vưu hủ nhi đống tiên.

Ừ thì ôn tiêu lạc thộn, khách huyện nhi ca chỉ. Ca viết: Rượu trạo hồ lau trường, kịch khách minh hồ vô lượng. Miền miền hồ đờ hải, vọng mỹ nhân hồ thiên nhất phương.

Khách hân xuy đống tiên giả, ỹ ca nhi hủ chỉ. Kỳ thanh ỹ ỹ nhàn, mào càn như mệ, mào khắp mào tợ, đờ ôn nhàn nhàn, bất nguyệt mào lai vưu n hủ chỉ tiên giao, khắp cò chừ chỉ lý phư.

Tô Tử thiên nhàn, chính kềm nguyệt tọa, nhi vưu khách viết: hủ vi kỳ nhàn đờ?

Khách viết: nguyệt minh tinh hi, ỹ thuộc nam phi, thủ phủ Tô Minh Đức chỉ thi hồ? Tây vọng Hà Kiều, đống vọng Vưu Xương, sơn xuy tư tương mào, viết hồ thượng thượng, thủ phủ Minh Đức chỉ kềm vô Cầm Lang giả hồ? Phương kỳ phủ Kinh Châu, hủ Giang Lăng, thiên luân nhi đống đờ, trực lộ thiên lý, tinh kỳ tợ không, si thiên luân giang, hinh sắc phủ thi; cò nhất thể chỉ hinh đờ, nhi kềm tại tại? Hướng ngư đờ tử, ngư tiên vô giang chử chỉ thượng, lữ ngư hủ nhi hinh mi lạc; giả nhất điệp chỉ biên càn, cử biao tên di thượng các; kỳ phiu du vô thiên địa, miền thượng hải chỉ nhất túc, ai ngư sinh chỉ tu du, tiên trường giang chỉ vô cùng! Hiệp phủ tiên di ngư du, biao minh nguyệt nhi trường chung, tri bất hủ hồ sâu đờ, thác di hướng vô bi phương.

Tô Tử viết: Khách đờ tri phủ thủy đờ nguyệt hồ? Thế giả như tợ, nhi vi thượng vọng đờ đờn hủ giả như bử, nhi tợ mạc tiên trường đờ. Chỉ tương tợ kỳ biên giả nhi quan chỉ, thế thiên địa tợ bất mào đi nhất thiên; tợ kỳ bất biên giả nhi quan chỉ, thế vật đờ ngã giới vô tận đờ. Nhi luận hủ tiên hồ? Thủ phủ thiên địa chỉ gian, vật các hinh càn. Cầm phủ ngư chỉ số hinh, tợ nhất hủ nhi mạc thủ. Dục giang thượng chỉ thành phương, đờ sơn chỉ minh nguyệt, nhất thể chỉ nhi vi thanh, mạc ngư chỉ nhi thiên sắc. Thủ chỉ vô càn, đống chỉ bất kết. Thủ tợ vật giả chỉ vô tận tợ đờ, nhi ngư đờ tợ chỉ số cộng thác. Khách hi nhi tiên, thủy thiên cảnh các. Hạc hạc kỳ tợ, bối biao lung tợ. Tương đờ chấm tợ hồ càn trung, bất tri đống phương chỉ kỳ bạch.

Diễn Nghĩa - Bất Tiên Báo

Mùa thu năm Nhiệm Thuật, ngày rằm tháng bảy, Tô Tử cũng khách, đi thuyền bơi đờn núi Kịch Bích. Gieo thành tiêu tiêu, sóng không gợn; mông mông một khách, ngắm thơ Minh Nguyệt, ca chương Yên Diệu. Lướt sau, trông lên trên núi Đống Sơn, láng lơ không giữa sao Ngưu sao Đẩu, sáng trắng tòa ngang sông, nước sóng nổi lên trời; mặt lá cò lau thao túng khắp nơi, vượt qua vận khách mành mành. Ở mành mành, mào trên không cết gió, không biết đứng lại ở đâu; ỡ mệ nhàn, mào bẻ sát đờ càn một mình, hủ thành long bay lên tiên.

Thời thì uống rượu vui thích lắm, gờ mào thuyền mào ca. Ca rằng: Rượu thuyền hồ lau chử, gờ không sóng hồ ngược đống mào trong, mào mào hồ tợ hải, nghiêng mỹ nhân hồ tợ một phương trời.

Ấy cò khách thời bưng tiên, đờn lợt ca mào hủ nhập. Tiếng tiên ỡ thời đờ chử, mào càn như quỳn lượn, mào kềm như thàn càn, đờ ôn nhàn nhàn, không đờ như sọt tợ, lảm trường lưỡng ỡ ôn mào mào mào hinh hủ tợ tợ, lảm đờ bả gờ trong thuyền cò quinh cũng sọt sọt.

Tô Tử xuy một, sủa đờ ngôi thủng ngay ngắn, hỏi khách rằng: Cò sao gầy mào sủa thế như thế?

Khách đờ: Nguyệt minh tinh hi, ỹ thuộc nam phi, kỳ không phủ tợ Tô Minh Đức cò? Tây vọng Hà Kiều, đống vọng Vưu Xương, nhi sóng uốn khúc lữ nhàn, ỡ ràng vô xanh trước, tợ phủ chàng mào Minh Đức bị kềm quàn bả Cầm Lang? Đường hải phủ Kinh Châu, hủ Giang Lăng, thiên đống sông tợ Đống, thượng bả ngư đờn, cò tợ nọ tợ trời, rết càn mào đống trên sông, càn ngang ngư góc ngưm tợ tợ tợ tợ là mành hinh một đờ, mào mào càn ở đâu? Phương chỉ tợ nhập bả, ngưm đờn cả lữ kềm càn trên sông, cả tợ là bả hinh mào lữ hinh, đờ thuyền mào mào chử lữ, nước biao vô càn mào rết càn mào; giả thiên phủ du mào Trời Đất, là một hạt tợ trên bả hải bất nguyệt, rết thượng đờ chỉ kềm hinh các lữ, mào mào mào tợ sông đờ không cũng. Cầm tiên bay đờ ngư du, ôn trủng sóng đờ sóng đờ, bất không thể tợ nhàn cò đờ, mào ra tiếng đờ kềm sọt lữ trong gờ.

Tô Tử đờ: Thế khách cũng bất Nước cũng Trủng chử? Nước chử mào không tợ lữ, thế mào chưa trủng đờ tợ mào, trủng trủng rết nguyệt, cũng không tợ mào chàng giôm. Đờ tợ Đờn đờ mào quan sọt, thế hủ chàng Trời Đất cũng là một chử mào; đờn càn Không Đờn tợ mào xem, sủa vật vớ tợ tợ tợ tợ. Sủa lữ phủ thiên tượng? Vả lữ trong Trời Đất, mào vật đờn cò chử, vi thuộc không phủ càn tợ, đờn chỉ một li tợ không lữ. Chỉ cò gờ mào trên sông, cũng trủng sóng không giữa núi, tợ tợ tợ ngư trủng, mào gờ tợ thành sắc. Lữ không càn, đống không kết. Sủa vật tợ mào hủ vô tận, chính là càn đờng Tợ vớ Đờ.

Khách mào cò càn, mào chử tợ rết mào. Đờ nhàn hủ phủ đờ kết, chử mào biao bả. Cũng gờ đờn mào xỏ trong thuyền, không biết tợ đờ sông phương đống.

Diễn Nôm

Bài của TchyA & Bất Tiểu Bảo

Thu Nhâm Tuất ngày Rằm tháng bảy
Khách lăm người hội với Tô Công
Thả thuyền một lá trên sông
Cuối dòng Xích Bích bình bồng ngao du

Gió hiu hắt sóng thu chẳng gợn
Nhắc chén quỳnh chúc bạn mua vui
Ngâm thơ Trăng Sáng mà chơi
Lấy chương Yêu Điều lựa lời xướng ca

Non Đông bồng gương Nga thấp thoáng
Lũng lò treo trong khoảng Đầu Ngưu
Ngang sông sương trắng một màu
Lùng lùng nước sáng soi cao tiếp trời

Thuyền một lá rong chơi đây đó
Boi một vùng non nước bao la
Lòng lộng vui thú yên hà
Tựa là cõi gió biết mà đừng đâu

Lâng lâng tựa bể sâu xa lánh
Chơi vợ như mọc cánh lên tiên
Thôi thì uống rượu liên miên
Mạn thuyền ta gõ hát liền hò khoan
Hát rằng : *Lái quế (anh ơi) chèo lan*
Vỗ bầu không sáng (mà để) theo làn nước trong
Bâng khuâng (tình bằng) lòng những hỏi lòng
Đợi người bạn ngọc (thế mấy) ngóng trông phương trời
Khách du bồng có một người
Ổng tiêu hòa lại theo lời xướng ca

Tiếng ai oán rên la rầu rĩ
Nhường quyền luyện van vi nhớ nhung
Ngân dài không dứt tơ trùng
Văng ra lại gợn, gợn xong lại rên

Rồng nhảy múa trong miền hang tối
Xụt sùi thương cùng nổi góa chồng
Thoát nghe Tô Tử trạnh lòng
Ngồi ngay sửa áo khăn xong hỏi rằng

Cớ sao bỗng tự dung buồn thể
Tình cảnh gì khá kể nghe xưa
Khách rằng: Trăng sáng sao thưa
Trời nam chim quạ ngẩn ngơ bay ào

Há chẳng phải thơ Tào mạnh Đức
Vũ Xương kia khu vực miền Tây
Đông thì Hán Khẩu này đây
Nước non tươi tốt cỏ cây xanh rì

Phải chăng đó trước vì Công Cần
Tào đã từng khôn quần đây không?
Thuận giòng trảy xuống phía Đông
Phá Kinh Châu lại hạ vùng Giang Lăng

Thuyền ngàn dặm tràn sang tấp tới
Cờ ngất trời phát phới tung bay
Qua sông uống rượu vui vầy
Cát ngang một ngọn giáo dài ngâm thơ

Một đời cũng đã là dũng sĩ
Nay còn đâu dư khí anh hùng
*Bây choa*⁶ câu bắn trên sông
Chơi cùng tôm cá bạn cùng hươu nai

Thuyền lá nhỏ thả chơi không bến
Rượu bầu còn chuốc chén khuyên mời
Phù du gửi đất gửi trời
Bể khơi dường hạt thóc thôi đó mà

Cuộc ngắn ngủi đời ta có ngắn
Khen sông trôi vô hạn thì hên
Cấp Tiên bay bổng lên trên
Ôm ghì chị Nguyệt vẹn tuyền với trăng

Được như thế biết rằng chẳng có
Tiếng tiêu thừa gửi gió làm khuây
Tô rằng: trăng nước voi đây
Khách ôi có biết sự này từ xưa

Trăng tròn khuyết khi mờ khi sáng
Nước thấp cao khi giáng khi thăng
Thấp cao mặt nước vẫn bằng
Khuyết tròn trăng vẫn là trăng đó mà

⁶ *Bây choa* là thổ ngữ miền Thanh hóa, đặc biệt tại quê ngoại Quảng Xương, nghĩa *chúng tớ đây*. Tôi cố ý dụng chữ để tưởng nhớ đến Ngoại Tổ ở Quảng Xương và TchyA Đái Đức Tuấn có thời đi *tu tiên* tại đây.

Từ chỗ Biển mà ta quan sát
Trời đất cùng một chớp mắt thôi
Xét vòng Không Biển mà coi
Ta cùng trời đất cùng dài như nhau

Cớ sao lại khen dâu bể nhỉ
Ngẫm kỹ xem trên thế gian này
Giữa gầm trời rộng đất dày
Vật nào mà chẳng có thầy chủ thương

Nếu không phải của thường ta có
Dẫu tơ hào tí xíu cũng không
Chỉ duy gió mát trên sông
Và trong khoảng núi trắng trong một vành

Tai nghe tiếng mắt hình dung sắc
Không ai cầm cứ lấy mà chơi
Dùng thì chẳng hết được rồi
Ấy kho vô tận của trời đất chung

Tôi với bác đều cùng một lúa
Cùng một lòng lấy đó làm vui
Khách nghe hớn hở tươi cười
Chén quỳnh rửa sạch lại mời chúc nhau

Các thức nhắm trước sau hết sạch
Để mâm chén tách ngổn ngang
Gối đầu cùng ngủ trong khoang
Li bì đâu biết sáng toang lúc nào.

Bài của Trương Ngọc Thạch

*Thu Nhâm Tuất ngày rằm tháng bảy,
Tô Tử đi cùng khách dưới thuyền,
Núi Xích Bích cao vút bên trên,
Gió hiu hẹ không lên gợn sóng,
Mời khách chén rượu nóng, ngâm liền
Bài Minh Nguyệt thuộc thiên Yêu Diệu.*

*Trên đỉnh núi Đông Sơn sừng sững,
Trăng lên dần lơ lửng tầng cao
Nằm ngay giữa hai sao Ngưu Đẩu.*

Sương trắng tỏa ngang đầu nước sáng,
Nước với trời liền mạng vào nhau,
Thuyền lướt sóng nhẹ tựa cỏ lau,
Qua vạt khoảnh rộng sâu sông nước.
Mênh mông như trên không lướt gió,
Không biết đang đây đó nơi nao,
Nhẹ nhàng như sót lại ta nào,
Hóa thành lông bay vào tiên cảnh.

Nhấp chén rượu vui vui trong bụng,
Gõ mạn thuyền nổi hứng ca vang,
Ca rằng: "Thuyền quế, chèo lan,
Trên trời rực sáng dưới làn nước trong.
Mang mác nhẹ lòng tơ tưởng nhớ,
Ngóng mỹ nhân cách trở phương xa."

Khách hứng lấy tiêu ra hòa nhịp,
Tiếng tiêu nghe kịp đốt tâm can,
Như ai oán, như khóc, như than.
Ám mượt như tơ lan tuôn mãi,
Thuồng luồng nghe quần quại trong hang,
Sụt sùi khóc, goá phụ trong khoang
Thương phận mình lang thang chiếc bóng.

Tô Tử buồn, sửa tà, ngồi thẳng,
Hỏi khách rằng: "Chẳng hiểu có sao
Tiêu âm bác thăm sâu quá đáng?"
Khách đáp rằng: "Trăng sáng sao thừa,
Quạ về Nam, thơ Tào Mạnh Đức?
Tây Hạ Khẩu, Vũ Xương đông bắc,
Núi với sông uốn khúc vào nhau,
Cỏ cây xanh rục rờ tươi màu,
Chẳng phải đây khổ sầu Mạnh Đức
Bồi Chu Lang vây bức hay sao?
Trong khi đang đánh phá Kinh Châu,
Chiếm Giang Lăng, tuyến đầu đông tiến,
Thuyền ngàn dặm hiển hiện chặt sóng,
Cờ trước gió mênh mông rợp khắp,
Rót chén rượu, tay cắp ngọn giáo,
Trối ngâm lên mấy đạo văn thơ.
Anh hùng oanh liệt khi xưa
Nay đâu còn nữa âu là phận ta !

Thân đánh cá vào ra kiếm củi,
Bạn cùng hươu, nai, cá với tôm,
Ngồi lá thuyền sớm tối chiều hôm,

Nâng bầu rượu mời nhau lưng chén,
Gửi thân phận phù phiếm ở đời
Như hạt thóc biển khơi bát ngát,
Thương mảnh đời khoảnh khắc chóng qua,
Mong được làm sông xa vô tận,
Cặp tiên bay lên tận cõi trời,
Ôm trăng sáng sống đời vạn kiếp.
Biết không thể thoát nhiên có hết
Mượn tiếng tiêu gửi đến gió sương."

Tô Tử nghe như vậy tiếp luôn:
"Bác cũng biết Nước cùng Trăng chứ ?
Nước chảy miết không về chôn cũ,
Ta đi mãi chưa đủ đến nơi.
Tròn rồi khuyết, trăng thời vẫn thế,
Lấy cái Biển để ta quan sát
Trời đất này cũng như chớp mắt,
Lấy Bất Biến phân tìm sự thật
Ta thấy rõ sự vật vô biên,
Tại sao lại li ên miên thềm khát ?
Của trên đời ắt nhiên có chủ,
Không của ta, thủ giữ làm chi ?
Gió trên sông vì vu nghe tiếng,
Trăng khe núi chiếu sáng ta xem,
Tha hồ đem dùng hoài không hết.
Của trời đất hết kho vô tận,
Là của chung, vạn hưởng bác tôi.

Rót thêm rượu, khách cười thoải mái,
Đồ nhắm cạn, bữa bãi chén mâm,
Gối mạn thuyền, ngả lưng nằm xuống,
Chẳng biết trời chuyển hướng rạng đông.

Bài của Đào Nguyên Phổ

Năm Nhâm Tuất qua rằm tháng bảy,
Ông Tô công⁷ cùng mấy người quen,
Trên sông Xích Bích con thuyền,
Gió hiu hiu thổi, sóng êm êm dừng.
Cuộc mời khách tay nâng chén rượu,

⁷ Tôi nghĩ chữ Ông (Tô Công) ở đây là một thừa từ, những ngữ cú 冗語句, pléonasmе *rǒng yǔ jù*, cũng như ta nói Cụ Khổng Tử (thường hay nói Khổng Tử hay Cụ Khổng).

Thơ Nguyệt minh Yếu điệu ngâm rền,
Non đông chợt thấy sáng lên,
Vàng trắng lơ lửng giữa chiên đầu ngư.
Móc ngang sông phau phau làn trắng,
Nước in trời loang loáng vẻ xanh,
Buông theo chiếc lá lênh đênh,
Đè muôn đợt sóng mông mênh cõi ngoài.
Lồng lộng tựa lưng trời cõi gió,
Mà biết rằng dừng đỗ nơi nao,
Nhờn nhờ thoát tục lên cao,
Hóa ra lông cánh bay vào cõi tiên.
Vui vẻ rượu nhấp liền mấy chén,
Gỗ nhịp thuyền cất tiếng hát ran,
Hát rằng: “Chèo quế buồm lan,
Đập tung ánh sáng, miết lên ngược dòng.
Xa thăm thăm chạnh lòng tưởng nhớ,
Trông mỹ nhân cách trở phương trời.”
Khách liền thối sáo họa bài,
Vo vo tiếng sáo như người khóc than.
Như mên tiếc cảm hờn mọi nỗi,
Giọng ngân dài tựa mối tơ vương.
Hang sâu quần quai thường luồng,
Thắm tình gái góa thuyền xuôi sục sùi.
Ông Tô xúc áo ngồi chỉnh chệ,
Hỏi khách sao buồn thế này ư?
Khách rằng: “Trăng sáng sao thừa,
Đàn chim ô thước lững lờ về nam”.
Câu thơ ấy ai làm thừa trước,
Chẳng phải Tào Mạnh Đức đó không?
Vũ Xương, Hạ Khẩu tây đông,
Nước non quanh quất mây trùng xanh xanh.
Ấy chẳng phải Tào bình thuở nọ,
Bị Chu Lang đánh đổ đáy không?
Kinh Châu vừa mới phá xong,
Giang Lăng đập đổ thuận sông xuôi thuyền.
Sông nghìn dặm chật liền tàu chiến,
Trời bốn phương che kín bóng cờ.
Giữa vôi lọc rượu nhờn nhờ,
Quay ngang ngọn giáo ngâm thơ một bài.
Anh hùng nhất trên đời lừng lẫy,
Mà bây giờ nào thấy ở đâu,
Huống ta vớt củi buông câu,
Lúa đôi tôm cá, bạn bầu hươu nai.
Thuyền một lá vui chơi chèo chống,
Rượu lưng bầu êm giọng chúc luôn.
Xác vờ gởi mặc kiên khôn,

Tẻo teo hạt thóc trong cồn bể xanh.
Thoáng một chốc kiếp sinh là mấy,
Khen con sông nước chảy khôn cùng.
Cấp tiên chơi chốn non Bồng,
Tay ôm chị nguyệt những mong trọn đời.
Biết không thể vật nài thế được,
Giọng buồn ngâm gởi trước gió bay.”
Ông Tô rằng: “Khách có hay,
Kia kia nước ấy trắng này đó không?
Nước kia vẫn xuôi dòng chảy xiết,
Mà chưa từng đi hết chút nao.
Trắng kia có lúc đầy hao,
Mà ta chưa thấy khi nào bớt thêm.
Cứ lúc biến mà xem trời đất,
Thì chẳng qua chớp mắt mà thôi.
Cứ khi không biến mà coi,
Thì ai ai cũng lâu dài như nhau.
Vả thử ngẫm trong bầu vũ trụ,
Có vật gì không chủ đâu mà.
Vật gì chẳng phải của ta,
Dẫu từ một mảy chớ hòa nhúng tay.
Chỉ trên nước hây hây gió thổi,
Với sườn non vôi vọi trắng treo,
Tai nghe vắng vắng tiếng reo,
Mắt trông thấp thoáng có nhiều vẻ tươi.
Mặc sức lấy nào ai dám giữ,
Tha hồ tiêu vẫn cứ chứa chan,
Của trời kho đụn vô vàn,
Mà đôi ta hãy chơi tràn là vui.
Khách mừng rỡ miệng cười tay rót,
Nhắm cạn rồi mâm bát ngồn ngang,
Kề lưng dựa gối trong khoang,
Quá say nào biết đã tang täng ngày.

Bài của Quân Công Thị (*)

Năm Nhâm tuất mùa thu tháng bảy,
Mới qua rằm trăng hãy còn hin.
Ông Tô cùng khách dờn thuyền.
Chơi nơi Xích Bích gần miền Kinh Châu.
Gió phảng phát dòng sâu sóng lặng,
Cát chén mời khách hân vui ưa;
Ngâm nga Nguyệt xuất thi xưa,

Liên câu yếu điệu cảnh giờ khéo in.
Phương đông thoát trắng lên chớp núi,
Trong Đâu, Nguo nơi đời dân dà;
Sông trong, nước rạng bao la,
Ngang giăng móc trắng, là đà trời xanh.
Bồng một chiếc thích tình hứng cảnh,
Nước mênh mang muôn khoảnh xông pha;
Phới như cỡi gió bay qua,
Nương không lóng biết đâu là đến đâu.
Phơ phơ giống đời hầu có một,
Bỏ phàm trần cõi lốt lên tiên;
Chùng khi ấy dốc rượu liền,
Vui chi xiết gỡ mạn thuyền ca xoang.
Trôi một khúc: "Thuyền lan, chèo quế,
"Vỗ trong ngàn ngược về rạng trôi;
Đắm đắm luống dạ ai hoài,
Mỹ nhân trông tưởng cách trời một phương."
Thôi tiêu sẵn có chàng đạo sĩ,
Nương lời ca rủ rì họa theo;
Cô cô loan phượng tiếng kêu,
Dở hờn, dở khóc, dở chiều, dở than!
Tiếng thừa thãi khoan khoan réo rắt,
Rõ ràng nghe chẳng dứt như tơ;
Đầm sâu giao lặn mưa kỳ
Thuyền không gái góa sàu bi lỡ đường.
Đông Pha lão nghe tường buồn bã,
Sửu bào ngồi hỏi gã thấp cao;
Hỏi rằng: "Do dĩ làm sao,
Tiệc vui thôi khúc tiêu tao lấy gì?
Khách dẫn thi: "Tinh hy nguyệt bạch,
Mạnh Đức ngâm Xích Bích phải không?
Xanh xanh đoái khắp tây đông,
Vũ Xương, Hạ Khẩu non sông tí mù.
Ấy chẳng phải đánh đua tài trí,
Nên Tào Man khốn bị Chu Lang;
Đương sơ Kinh địa phá tan,
Giang Lăng cũng đã tro tàn dòng xuôi.
Thuyền ngàn dặm nối đuôi giữa sóng,
Cờ muôn cơn rợp bóng trên không;
Rượu thi tới bên gác dòng,
Hùng tài tốt thế găm không ai bì.
Đến giờ há còn chi đâu có?
Huống nữa là ngư nọ tiều kia.
Đòi ta bãi bạc, còn le,
Vui vầy tôm cá, bạn bè hươu nai.
Lênh đênh vãi thuyền chài một lá,

Hê ha khuyên rượu lã vài hồ;
Dầm vàng gởi cái phù du,
Dự chi hốt thóc xô bờ biển thương.
Đời người gẫm thảm thương thấm thoát,
Sông giang khen dài dặc không cùng;
Giày phi tiên cấp thung dung,
Ôm châu minh nguyệt muốn cùng dài lâu.
Liệu chẳng khá kíp cầu mà đặng,
Đem tiếng thừa phải nhẩn gió đông".
Ông rằng: "Này khách biết không?
Mặt trăng phải tỏ, lòng sông phải dò.
Nước chảy mãi có mô trôi thẳng,
Trăng khuyết tròn trọn chẳng tiêu hao.
Hãy coi lẽ biển làm sao,
Lại coi chẳng biển thế nào thời hay.
Biển nhảy mắt trời xoay đất trở,
Chẳng biển thời như rứa đeo tai;
Vật người chẳng hết còn hoài,
Có gì mà lại dong dài không khen.
Vả lại xét trong nền Tạo hóa,
Các vật đều có gã chủ trương;
Dầu ta không có nỗ mành
Mây lông chớ đứng, muôn vàn kẻ chi.
Vui mặt nước những khi êm mát,
Cùng đầu non mấy lượt thanh tao.
Trăng thanh gió mát nghêu ngao,
Trăng non, gió nước dồi dào hòa hai.
Tiếng không hện lọt tai càng đót
Sắc tình cờ vào mắt mà nên;
Mua vui nào phải tốn tiền
Tai dùng không chán, mắt nhìn không no.
Ấy tạo vật là kho vô tận
Ta cùng người chỗ sẵn chơi chung".
Khách cười chi xiết mừng lòng,
Vội vàng rửa chén, rắp mong nghiêng bầu.
Cơm rượu thấy hồi lâu ráo ráo,
Chén bát đà lộn lạo ngửa nghiêng;
Cùng nhau chiếu gối trong thuyền,
Không dè trời đã rạng liền hướng đông.

(*) Quân công thị tức Hoàng Hóa Quận vương, Miên Triện, con thứ 66 của vua Minh Mạng. Minh Mạng Nguyễn Phúc Kiểu có 78 con trai, út là An Thành Vương Miên Lịch.

Diễn qua Anh Ngữ Bài của Liu Shih Shun

Bài diễn ra tiếng Anh dùng ghi âm Hán tự Wade-Giles (WG), không dùng *hanyun pinyin* (py), thông dụng nên gọi là phổ thông hóa, *pǔtōnghuà*. Có rất nhiều cách ghi âm: tỷ như EFEO là cách ghi âm của Ecole française d'Extreme-Orient, do Seraphin Couvreur tạo ra khoảng 1902 dùng bởi cộng đồng nói Pháp ngữ (francophonie) cho tới giữa thế kỷ 20.



Cộng đồng Anh ngữ thì dùng Wade-Giles, người Tàu gọi là 威妥瑪拼音, Uy Thỏa mã bính âm *wei tuǒ mǎ pīn yīn*. Cách ghi âm này dựa trên thổ ngữ Mandarin Bắc Kinh do Thomas Wade xướng khởi khoảng giữa thế kỷ 19, chính thức hóa bằng quyển Tự điển Chinese-English của Herbert Giles năm 1892. Hầu như các sách tiếng Anh viết về Tàu, đều dùng Wade-Giles suốt cả thế kỷ 20, bây giờ thì hầu hết thay thế bằng Bính âm, nhưng Đài loan vẫn còn dùng mã ghi âm WG này. Thí dụ năm Nhâm Tuất ở đây tác giả ghi thêm *Emperor Shen-tsung of the Sung dynasty, 1068-1085, the fifth year of Yuan-feng (1078-1085) being 1082*. Shen-tsung (WG), là Vua Thần Tông py sẽ viết là *shénzong* 神宗, đời (Bắc) Tống (WG: Sung; py: song; Tống triều 宋朝; pinyin: *sòngcháo*; Wade-Giles: Sung-Ch'ao), niên hiệu Nguyên Phong WG: Yuan-feng 元豐, py: *Yuánfēng*. Tôi không quen với WG, nên phần nhiều, khó nhận ra chữ. Đặc biệt Xích Bích, py: *chìbì*, WG viết Ch'ih-pi. Trên Võng, ít hay không thấy dùng WG nữa. Nay chép lại bài Diễn Anh ngữ này của Lưu Thế Thuận *Liu Shi Shun*, tôi khá thích vì diễn sát với nguyên tác của Tô Tử dụng từ ngữ rất chính xác, nên nhân dịp tôi chưa thêm những hán tự bằng Bính âm *pinyin*, bên cạnh các ghi âm Wade-Giles mà tác giả Liu Shih Shun⁸ dùng. Ở đây tác giả Tàu viết: Nhâm Tuất là năm thứ Năm niên hiệu Nguyên Phong triều Thần Tông, trong khi trong Cổ Văn Trung Quốc, Nguyễn Hiến Lê ghi: Nhâm Tuất tức là năm *thứ tư niên hiệu Nguyên Phong*, đời Tống Thần Tông (1082); năm đó Tô Thức 46 tuổi. Theo Âm Lịch thì rằm (ngày Giáp Ngọ) tháng Bẩy (Mậu Thân) năm Nhâm Tuất là ngày 11 tháng 08 năm 1082. Sử Sách cũng viết vua Thần Tông trị vì từ 1067 (không phải 1068) đến 1085, và niên hiệu Nguyên Phong khởi đầu năm 1078. Như vậy Nhâm Tuất 1082 là năm thứ Năm (5) của niên hiệu này. Tô Thức sinh năm 1037, năm 1082 ông 46 tuổi ta.

⁸ Dựa trên phiên âm WG, LIU SHIH SHUN, tôi đoán tên ông là 劉世順 tức Lưu Thế Thuận *Liu Shi Shun*. Ông du học ở Mỹ khoảng năm 1920, là tác giả nhiều sách phổ biến văn hóa Tàu viết bằng Anh ngữ (*One hundred and one Chinese Poems, Chinese Classical Prose,...*) và đặc biệt một luận án *Extraterritoriality Its Rise and Its Decline* (1925). Ông là đại sứ Tàu ở Gia Nã Đại (1946).

First Fù (1) on the Chìbì (Red Cliff) (2)

qián chì bì fù - su shì

(TR: LIU SHIH SHUN *Liu Shi Shùn*)

On the sixteenth of the seventh month, in the fifth year of *Yuánfēng* (Yuan-feng) (3), I took a trip by boat with some friends to the *Chìbì* (Ch'ih-pi). The wind was blowing gently; there was not a ripple on the water. I raised my cup and toasted my friends. We recited the poem from the *Books of Songs* on the 'Bright Moonlight,' containing the line on the sedate lady. Shortly after, the moon rose over the eastern mountain and hovered between the Dipper and Aquila. The white dew lay all over the river, and the light reflected in the water reached up to the sky. We let our small boat drift along over the vast expanse ahead of us. Now we seemed to float away, and, freed from this world, to take wing and become immortal.

In this mood, we drank happily and sang, beating out the rhythm with our fingers on the side of the boat:

*On a cassia boat, with orchid oars
We struck the water, rowing up the river,
As the moon shone over the waves. I long
For the beauties on the other side of Heaven! (4)*

Among my friends there was one who played the flute and who accompanied my song. The sound of the music was melancholy. Now it seemed complaining and yearning; now it seemed weeping and pleading. Even when the song was finished, its reverberations seemed not to die away but lingered on like an unbroken thread. Dragons hiding in the dark ravines would have been roused to dance, and widows languishing in their solitary boats would have been moved to tears.

Overcome by sadness, I adjusted my garment, sat up solemnly and asked my friends: Why is it that things are what they are? They replied as follows: The moon is bright and the stars are few. Crows and magpies fly southward. Was this not the poetry of *cáo mèng dé* (Ts'ao Meng-the) (5). Between *xià kǒu* (Hsiak'ou) (6) in the west and *wǔ chāng* (Wuch'ang) (7) in the east intertwined a host of gray mountains and rivers. Was this not the scene of his siege by *Zhōu Yú* (Chou Yü) (8)? When *Cáo Cāo* (Ts'ao Ts'ao) sailed down to *jiang líng* (Chiangling) (9) after overrunning *jìng zhōu* (Chingchou) (10) and followed the waters of the river eastward, his ships lined up the river for one thousand li (11), and his flags covered the sky. Looking out on the river, he drank copious draughts, and, as he grasped his spear, he composed poetry. He was a great hero in his time, but where is he now? Moreover, now that you and I are fishing and cutting wood on the brink of the river, fish and prawns are our companions, stags, and deer our friends. We row a flat leaf-like boat and drink with one another. We are like tiny insects in a vast world and mere specks in the deep, deep sea. We lament our ephemeral lives and admire the eternal Yangtze. To travel far and wide with roving immortals and embrace the moon till the end

of times is something that cannot be achieved. In this certainty, we have left the reverberations of our music to mingle with the sobbing wind.

My friend, said I, do you know about the water and the moon? The former goes on and on, but it never comes to an end. The latter waxes and wanes, but it never decreases or increases. If we see everything from its changing aspect, even heaven and earth cannot last for a twinkling of an eye. If we look at everything from its unchanging aspect, it and we can never end. What is there, then, to be admired? Furthermore, everything on earth has its owner. If a thing is not owned by us, we cannot lay hands on the tiniest part of it. Only the gentle breeze on the river and the bright moon over the mountains feast the ear with sound and the eye with color, and these we can take at perfect liberty and use without exhausting them. These are the unlimited reserves of the Creator, which you and I can enjoy together.

My friends were gratified and smiled. We washed our cups and resumed our drinking. When all the food was consumed and the cups and dishes were scattered around, we lay in complete disorder till dawn came up the east and took us unawares.

Notes

- (1) Rhymed or partly rhymed prose.
- (2) A mountain in Huangkang Hsien, Hupeh, intentionally or unintentionally confused with another of the same name, situated in Chiayu Hsien, where Ts'ao Ts'ao was disastously defeated by the combined forces of Shu and Wu during the Three Kingdoms period.
- (3) Reign of emperor Shen-tsung of the Sung dynasty, 1068-1085, the fifth year of Yuan-feng (1078-1085) being 1082.
- (4) The allusion was to high officials in the capital.
- (5) Courtesy name of Ts'ao Ts'ao, the emperor of Wei, another one of the Three Kingdoms, who was one of the most active political figures in his time.
- (6) Modern Hankow, a city in Hupeh Province.
- (7) Wuch'ang Hsien, Hupeh.
- (8) A famous general of the state of Wu.
- (9) Chiangling Hsien, Hupeh.
- (10) Prefecture in Hupeh.
- (11) Each equivalent to one-third of a mile.

Vịnh tiền Xích Bích
Nguyễn Công Trứ (**)

Gió trăng chứa một thuyền đầy,
Của kho vô tận biết ngày nào vơi?
Ông Tô tử qua chơi Xích Bích
Một con thuyền với một túi thơ.
Gió hiu hiu mặt nước như tờ,
Trăng chênh chếch đầu non mới ló.
Thuyền một lá xông ngang ghềnh bạch lộ
Buông chèo hoa len lỏi giữa sơn cương.
Ca rằng: quế trạo hề lan tương,
Kịch không minh hề tổ lưu quang,
Điều điều hề dư hoài
Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương
Người ý ca réo rất khúc cung thương,
Tiếng tiêu lẫn tiếng ca vang mặt nước.
Sực nhớ kẻ cầm ngang giáo vịnh câu thơ thuở trước.
Nghĩ sự đời thêm cảm nỗi phù du
Đành hay trời đất dành cho
Hai kho phong nguyệt nghìn thu hãy còn.
Còn trời còn nước còn non.

(**) Bài Vịnh trên đây thật hay. Nhưng tôi nghĩ cái tự mãn của Nguyễn Công Trứ, khi công thành danh toại, vịnh chữ Nhàn hơi lố, dám ầu tả (*avoir le culot*) trong bài hát nói *Chữ Nhàn* kể đến *một thú thanh cao* Tô Đông Pha, mà không kị cái uất ức của người bị biếm ở Hoàng Châu, gặp nhiều trở ngại trên đường công danh, khi viết Xích Bích Phú. Tôi ngạc nhiên là Cụ Trứ là người học rộng, sao không hiểu tâm sự của Tô Công.

*Sóng Xích Bích buông thuyền năm Nhâm tuất
Để ông Tô riêng một thú thanh cao
Chữ nhàn là chữ làm sao?*

Xích Bích Hoài Cổ - Đỗ Mục

赤壁懷古 杜牧

chì bì huái gǔ - dù mù

赤壁懷古-杜牧

折戟沉沙鐵未銷

自將磨洗認前朝

東風不與周郎便

銅雀春深鎖二喬

Xích Bích Hoài Cổ - Đỗ Mục

Chiết kích trầm sa thiết vị tiêu,
Tự tương ma tây nhận tiền triều.
Đông phong bất dữ Chu Lang tiện,
Đồng Tước xuân thâm tỏa nhị Kiều.

Diễn Nghĩa – Bất Tiếu Bảo

Kích gãy chìm trong cát sắt chữa tiêu
Bởi đem mài rửa nhận ngay triều đại trước
Gió Đông không kịp thuận tiện cho Chu Lang
Xuân thâm nghiêm đài Đồng Tước khóa hai Kiều

chì bì huái gǔ - dù mù

*zhé jǐ chén shā tiě wèi xiao,
zì jiāng mó xǐ rèn qián cháo.
dong feng bù yǔ zhou láng biàn,
tóng què chun shen suǒ èr qiáo.*

Đỗ Mục (803-852) tự là Mục Chi, hiệu là Phàn Xuyên người huyện Vạn Niên, quận Kinh Triệu (tỉnh Thiểm tây). Năm 828 (đời Đường Văn Tông), đã thi đậu tiến sĩ. Đỗ Mục là tác giả bài A Phòng cung phú nổi tiếng. Có thanh danh ngang với Lý Thương Ẩn; người đương thời gọi hai ông là Lý Đỗ; Ông còn được gọi là Tiểu Đỗ để phân biệt với Đỗ Phủ là Lão Đỗ. Cũng như Bài Bạc Tần Hoài hay những bài thơ hay khác của Đỗ Mục, được nhiều người ưa chuộng, Xích Bích Hoài Cổ cũng được nhiều tác giả diễn Nôm, như Trần Trọng San, Trần Trọng Kim, Ngô Tất Tố... Bản diễn của Tương Như khiến tôi có đôi phần hợp ý, câu 4 **Đồng Tước xuân thâm tỏa nhị Kiều** lấy lại câu *Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều* đã được Nguyễn Du dùng, tuy chưa sát nghĩa lắm với nguyên tác.

Xích Bích Hoài Cổ

Cát vùi lưới kích còn tro
Rửa mài nhận dấu triều xưa rõ ràng
Gió đông ví phụ Chu Lang
Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều

Nhị Kiều đây là Đại Kiều, vợ của Tôn Sách, và Tiểu Kiều, vợ của Chu Du. Khổng Minh khích Chu Du đánh Tào Tháo, có nói rằng: Tào Tháo thường nói xây đài Đồng Tước để khi chiếm được Đông Ngô, sẽ bắt Đại Kiều và Tiểu Kiều về ở đây để mua vui lúc tuổi già. Nền cũ đài Đồng Tước nay còn di tích ở huyện Lâm Chương, tỉnh Hà nam.

Chú thích:



Cổ cư của ba Đại văn hào Tô Tuân, Tô Thúc, Tô Triệt ở tại thành phố Mi San tên cũ là Mi châu, cách kinh đô Thành Đô **成都** *chéng dou* khoảng 80km. Tại đây còn lại di tích lịch sử, nay là một trọng điểm văn vật bảo tàng, Tam Tô Từ **三苏祠**, tỉnh Tứ Xuyên **四川** *sì chuan*. Thành đô cũng là quê quán của tiện nội, cách đây ít lâu lúc viếng thăm di tích, tôi được kể Cụ Tô là người sành ăn ngon, nấu

nướng rất giỏi. Cụ thường phát minh và chế biến những món ăn mới lạ, hậu sinh có nói đến các món Đông Pha nhục **东坡肉** *dong bo ròu* và Đông Pha ngư **东坡鱼** *dong bo yú*. Lúc Cụ bị biếm, tại chức ở một quận lỵ nhỏ nhen như Quỳnh Châu trên đảo Hải Nam, Cụ tha hồ rảnh rỗi nghiên cứu và phát chế ra nhiều công thức đây giá trị về nghệ thuật nấu nướng.

Đông Pha nhục bây giờ là một *danh thái* **名菜** *míng cài* (món ăn nổi tiếng) thập phần mỹ vị ở Hàng Châu, tương tự là một loại thịt kho theo kiểu nấu ăn Việt nam ta *pork stew*,



nhưng công thức có nhiều phần khác biệt. Bình thường, dùng một miếng thịt lợn (heo), nửa nạc nửa mỡ, khoảng 2 tấc (thốn hứa **寸许**) và ướp bằng tửu hương **酒香** *jiǔ xiāng*. Tương truyền Tô Tử bị gửi đi xa lánh ở Hoàng Châu, nơi sinh hoạt hoàn toàn bần khổ, cụ biến hóa công thức tiền nhân, bằng cách hầm lửa nhỏ liu riu thịt lợn và nước hàng (sauce) tửu hương. Phát khởi thủ thái **此菜** *cǐ cài* từ Hoàng Châu **黄州** *huáng*

zhou, Đông Pha nhục phát dương và nổi tiếng ở Tổng phủ Hàng Châu **杭州** *háng zhou* và trở thành danh thái tại đây.

Tương truyền còn kể Đông Pha đệ nhất vị mỹ thực gia (gourmet), thường thích ăn Ngũ Liễu ngư⁹ 五柳鱼 *wǔ liǔ yú*, một loại cá sống ở Tây Hồ giữa hai tỉnh Chiết Giang 浙江 *zhè jiāng* và Hàng Châu 杭州, nổi tiếng danh thái vị đạo tiên mi 味道鲜美 (delicious taste) *phún hương dụ nhân* 喷香诱人 (attractive odor). Thường được gọi là Đông Pha Ngư. Tô Đông Pha vịnh những món ăn cá với nhiều bài thơ, và ông thích tự mình nấu các món ăn cá với nhiều gia vị khác nhau. Món chân giò lợn thì có tên mỹ miều là Đông Pha Trử tử 东坡肘子 *dōng bō zhǒu zǐ*. Văn hóa ăn uống cho thấy người Tàu ngoài cách thức trình bày mỹ thuật các món ăn, còn thích đặt tên cho những món ăn với nhiều điển tích.



Cuối bài mạn phép cảm ơn Ông Bạn Phạm Nguyên Hanh, đã đọc bản thảo nhiều lần và chỉ giáo cho những lỗi và sai lầm.

Gavilan Springs Lê Tạ Ôn
ngày Tiểu Tuyết Canh Thân (13) Tháng Tân Hợi (tháng 10) năm Đinh Hợi – 22/11/2007

⁹ Ngũ Liễu Ngư ý nói cá nấu, có năm khứa mỏng như lá liễu.